

The text that follows is the Vietnamese simplified version of the article: D.A.N. NGUYEN, “Theological Reflection on the Vietnamese Martyrs for Today: Towards an Inculturated Theology of Martyrdom”, in F. MERONI (ed.), *Martyrs in Asia*, Urbaniana University Press (to be published in February 2019).

Đây là bản dịch và tóm lược tiếng Việt từ nguyên bản tiếng Anh của bài viết: D.A.N. NGUYEN, “Theological Reflection on the Vietnamese Martyrs for Today: Towards an Inculturated Theology of Martyrdom”, trong F. MERONI (biên soạn), *Martyrs in Asia*, Urbaniana University Press (sẽ xuất bản tháng 02/2019).

## SUY NIỆM THẦN HỌC VỀ CÁC VỊ TỬ ĐẠO VIỆT NAM CHO HÔM NAY

### HƯỚNG TỚI NỀN THẦN HỌC TỬ ĐẠO TRONG MÔI TRƯỜNG VĂN HÓA VIỆT NAM

*Nguyễn Đình Anh Nhuệ OFMConv*

Đời sống và sự nghiệp tử đạo của các vị thánh Việt Nam thúc đẩy chúng ta suy niệm về linh đạo của các ngài cũng như suy niệm làm thế nào các khía cạnh của linh đạo này có thể giúp những hạt giống đức tin đã được gieo trồng trên đất Việt Nam phát triển hơn nữa trong thời đại ngày nay.

Theo thiên ý người viết, linh đạo các thánh tử đạo Việt Nam có ba điểm chính: 1) đức tin mạnh mẽ vào Đức Chúa Trời (biểu hiện qua sự trung thành với Chúa và với ơn gọi làm Kitô hữu trong Giáo Hội); 2) tình yêu và sự hỗ trợ lẫn nhau (để kiên trì chịu đựng); và 3) sống đạo cùng với quá trình đào tạo giáo lý.

### 1. Linh đạo đức tin và lòng trung thành

Cũng như các vị tử đạo ở nơi khác, các thánh Việt Nam đã có một đức tin mạnh mẽ đến độ hiến dâng đời mình. Tuy nhiên, khía cạnh quan trọng nhất của đức tin của họ mà đáng được thừa nhận và nhấn mạnh, đó là sự trung tín với Đức Chúa Trời mà họ đã được biết đến và đã cảm nghiệm như là Đấng tốt lành. Đối với họ, đức tin không chỉ là một *fides quae*, có nghĩa là tin vào một số học thuyết của đạo mà đối với họ vẫn luôn là một bí ẩn và đôi khi cũng khó hiểu cho tư duy châu Á. Đối với các thánh Việt Nam, đức tin trên hết có nghĩa là sự trung thành với Thiên Chúa mà họ đã thề sẽ nhận là Đức Chúa Trời duy nhất và đích thật của họ qua lời hứa trong bí tích rửa tội. Do đó, đức tin của các ngài là *fides qua*: một đức tin biểu hiện qua sự gắn kết cá nhân của

họ với Thiên Chúa là người đã bày tỏ chính Ngài qua lời giảng dạy của những vị truyền giáo và trong kinh nghiệm sống của chính các thánh.

Sự khác biệt giữa đức tin và lòng trung thành có thể là rất nhỏ, y như sự khác biệt giữa chữ “tin” và “tín”, vì rằng hai khái niệm này không loại trừ, nhưng bổ sung cho nhau. Tuy nhiên, trong văn hóa Việt Nam, chiều kích thứ hai, sự trung thành, nổi bật hơn nhiều và thật sự tỏa sáng trong quá trình tử đạo của các Kitô hữu Việt Nam.

Khía cạnh của lòng trung thành trong đức tin của các Kitô hữu Việt Nam được biểu hiện qua sự thờ phượng sốt mến và liên lý cả ở cấp độ cá nhân và cộng đồng. Điều này có nghĩa là người có lòng tin phải là người *thực hành* niềm tin của mình qua những việc thờ phượng cụ thể, và luôn sống trong sự kính trọng và tôn kính tuyệt đối với Đức Chúa Trời. Sự kính trọng này được biểu hiện qua việc giữ những lời dạy của Đức Chúa Trời và luôn tìm kiếm lòng nhân từ của Ngài qua lời cầu nguyện và các công việc từ thiện. Đáng chú ý là từ *Credo* “(Tôi) tin” trong Kinh Tin Kính Công Giáo đã được dịch bởi các nhà truyền giáo Việt Nam với hai động từ tương quan: “Tôi *tin kính*” hàm nghĩa là “Tôi tin và kính”, “Tôi tin tưởng và tôn thờ”, một bản dịch thật chính xác và sâu sắc mà chỉ có thể là hoa quả của Chúa Thánh Thần đã hướng dẫn những vị thừa sai và các tín hữu Việt Nam đầu tiên.

Sự trung thành của các thánh tử đạo Việt Nam với Chúa cho đến chết phản ánh linh đạo của các vị tử đạo Kitô hữu tiên khởi trong lịch sử Giáo Hội Công Giáo và, suy cho cùng, linh đạo của tất cả con cái Israel Dân Chúa đã chịu đau khổ và chết vì đức tin. Họ đã chết không phải để bảo vệ những sự thật trừu tượng, nhưng vì lòng trung thành của họ với Đấng mà họ đã có mối quan hệ rất đặc biệt. Đó là lý do các Đấng tử đạo Việt Nam từ chối đạp lên cây thánh giá có hình Đức Kitô hoặc thậm chí trên bất kỳ cây thập tự nào theo yêu cầu của các quan lại, bởi vì đối với họ, cây thánh giá / thập tự, hoặc chính xác hơn, biểu tượng hoặc hình ảnh của cây thập tự (cây thánh giá) tượng trưng cho Đấng mà họ tôn kính, như cụ Thánh Anrê Thông tuyên bố đơn giản nhưng hùng hồn: “Hôm nay tôi không thể bước qua thánh giá mà tôi đã tôn thờ hôm qua”. Lời tuyên bố này phản ánh cách tuyệt vời những gì Thánh Polycarp thành Smyrna nói với vị quan La Mã khi ông này bắt thánh chối Chúa Kitô để tránh án tử hình: “Tám mươi sáu năm tôi đã phục vụ Ngài, và Ngài không bao giờ làm hại tôi. Làm sao tôi có thể xúc phạm đến Vua của tôi và Đấng Cứu Độ tôi?”<sup>1</sup>

<sup>1</sup> *The Martyrdom of Polycarp*, Early Church Texts, n. 9,

[https://earlychurchtexts.com/public/martyrdom\\_of\\_polycarp.htm](https://earlychurchtexts.com/public/martyrdom_of_polycarp.htm); S. Parvis, “The Martyrdom of Polycarp”, trong P.

Bất kỳ cuộc tử đạo nào cũng là thành quả của ân sủng Thiên Chúa. Nhưng đằng sau những hành động anh hùng đó chính là cả một truyền thống đức tin và lòng trung thành Kitô hữu, kết quả của quá trình đào tạo bởi các vị thừa sai, các nhà lãnh đạo Giáo hội địa phương và các giáo lý viên. Những người này trước hết tuyên xưng đức tin mạnh mẽ của họ, qua sự trung thành với Chúa bất chấp gian nan khôn khó. Đó chính là một niềm tin sống động và không chỉ đơn thuần là sự hiểu biết về một Đấng tối cao. Như thế, qua giảng dạy và gương sống, họ đào tạo những Kitô hữu khác mà sau này sẽ trở nên các thánh tử đạo Việt Nam. Đó là một “quá trình đào tạo dựa trên lòng tin cậy”.

Thật vậy, các vị tử đạo Việt Nam đã rất tin tưởng tin thác vào Chúa và những lời Ngài hứa. Ta có thể hỏi: Từ đâu họ có lòng tin thác như vậy? Thứ nhất, và quan trọng nhất, tấm lòng đó có được từ cảm nghiệm riêng của họ về Thiên Chúa như là Đấng tốt lành nhất, Đấng đáng tin cậy nhất. Tuy nhiên, cảm nghiệm đó được gây dựng bởi sự khôn khéo mục vụ trong mối quan hệ giữa các vị thừa sai và giáo dân. Từng bước từng bước và qua những hành động cụ thể, các vị truyền giáo đã làm chứng cho sự tốt lành của Thiên Chúa và quyền năng cứu độ của Ngài. Nói cách khác, những thừa sai và các vị rao giảng Tin Mừng không chỉ giảng dạy những sự thật về Đức Chúa Trời, mà còn tìm cách tạo nên một mối quan hệ không thể phá vỡ với các tín đồ dựa trên sự tin cậy. Mối quan hệ người với người dựa vào chữ “tin” này chính là hình ảnh và “tiền đề” cho mối quan hệ trung thành đặc biệt giữa người tin Chúa và Thiên Chúa. Từ quá trình đào tạo đức tin Kitô giáo như vậy ở Việt Nam, ta nhận thấy rõ mối tương quan mật thiết giữa sự tin tưởng vào Chúa và sự tin cậy mà người giáo dân có với các vị thừa sai và giáo sĩ của Giáo Hội. Khi được đào tạo và giáo dục như thế, người giáo dân dù gặp gian nan sẽ vẫn trung thành với Thiên Chúa, với đại diện của Ngài dưới đất, và với các thánh trên trời.

Không nên quên rằng trong các cuộc bách hại, một số Kitô hữu Việt Nam đã từ bỏ đức tin dưới nhiều áp lực. Như trong thế kỷ đầu tiên của Kitô giáo (cũng như ở mọi thời đại), kẻ yếu lúc nào cũng đã có bên cạnh những người vững tin và có thể đã đông hơn những người đã chết vì đạo. Ở đây, khó có được một thống kê chính xác. Tuy nhiên, chính việc một số người bỏ đạo vì khó khăn bách hại không những không làm giảm, mà ngược lại, còn tăng thêm tính anh hùng các vị tử đạo. Sự hy sinh của họ chính là nền tảng để cho Giáo hội trẻ Việt Nam có gốc rễ vững chắc. Nhân

---

Foster (ed.), *The Writings of the Apostolic Fathers*, T&T Clark Biblical Studies, London-New York 2007, 126-146; P. Hartog (ed.), *Polycarp's Epistle to the Philippians and the Martyrdom of Polycarp: Introduction, Text, and Commentary*, Oxford Apostolic Fathers, Oxford 2013, 165-336.

chứng của “đàn chiên” nhỏ bé các thánh tử đạo đã góp phần tạo thành một cộng đồng dân Israel trung tín của Chúa ở Việt Nam. Trong quá trình hình thành này, xin được nhấn mạnh lại vai trò quan trọng của mối quan hệ cá nhân giữa các tín hữu và giáo sĩ, cũng như tầm quan trọng của một đức tin và lòng trung thành tập thể. Đó chính là các yếu tố giúp đời sống đạo ở Việt Nam phát triển và khai hoàn trong nhiều phương diện, dầu có gặp thử thách gian nan.

Tóm lại, một lòng trung thành vững chắc với Thiên Chúa thực sự là kho báu quý giá nhất mà các thánh tử đạo Việt Nam đã để lại cho Giáo Hội quê nhà. Chính vì thế, Đức Đáng kính Hồng Y Nguyễn Văn Thuận đã để lại một suy niệm quý giá về các thánh tử đạo Việt Nam, khi ngài giảng cho Thánh Giáo hoàng Gioan Phaolô II và Giáo Triều Rôma vào năm 2000 như sau:

Tôi đã nghĩ tới các cuộc bách hại, cái chết và các vị tử đạo xảy ra trong 350 năm ở Việt Nam, đã cống hiến cho Giáo Hội rất nhiều vị tử đạo không được biết tới: khoảng 150.000.

[...] Tôi tin rằng lòng trung thành của Giáo hội Việt Nam có thể được giải thích bằng máu của các vị tử đạo đó. Các ơn gọi linh mục tu sĩ làm phong phú Giáo hội Việt Nam phát sinh từ ơn thử thách này. Các vị tử đạo đã dạy chúng tôi nói xin vâng: một xin vâng không điều kiện và không giới hạn cho tình yêu Chúa. Nhưng các vị tử đạo cũng đã dạy chúng tôi nói không với các lời dụ dỗ, thỏa hiệp, và bất công, nhằm mục đích cứu lấy mạng sống mình, hoặc để được chút an lành.

Đây là một gia sản, nhưng một gia sản cần phải luôn luôn đón nhận. Nó không phải đương nhiên hoặc tự động có. Chúng ta có thể từ chối nó. *Gia sản của các vị tử đạo không phải là chủ nghĩa anh hùng mà là lòng trung tín.* Lòng trung tín này đã trưởng thành bằng việc hướng nhìn lên Chúa Giêsu, mẫu gương của đời sống Kitô hữu, mẫu gương của mọi nhân chứng, mẫu gương của mọi vị tử đạo.<sup>2</sup>

Đức Thánh Giáo Hoàng Gioan Phaolô II cũng đề cập đến lòng trung thành như vậy với Thiên Chúa và tình yêu của Thiên Chúa như một khía cạnh đặc biệt của chân phước Anrê Phú Yên trong lễ phong chân phước cùng với 43 vị Tội Tớ Chúa khác ngày 05 tháng 3 năm 2000: “Ngài kiên trì cho đến đổ máu để giữ lòng trung thành với tình yêu của Đáng mà ngài đã hoàn toàn tự hiến mình. Những lời ngài lặp đi lặp lại khi kiên quyết tiến bước trên con đường tử đạo là những gì thúc đẩy toàn bộ cuộc đời của mình: ‘Chúng ta hãy lấy tình yêu đáp lại tình yêu Thiên Chúa chúng ta, lấy mạng sống đáp lại mạng sống’”. Đức Giáo Hoàng sau đó khuyến khích: “Hôm nay chân phước Anrê Phú Yên, vị tử đạo tiên khởi của Việt Nam, được đưa ra như là một mẫu gương cho Giáo Hội quê hương của ngài. Chớ gì tất cả các môn đệ của Chúa Kitô tìm thấy sức mạnh và được nâng

<sup>2</sup> F.X. Nguyen Van Thuan, *Testimonianza della speranza. Esercizi spirituali tenuti alla presenza di S.S. Giovanni Paolo II*, Città Nuova, Rome 2000, 138-140. Xem thêm bản dịch tiếng Việt trong: ĐHY F.X. Nguyễn Văn Thuận, *Chứng Nhân Hy Vọng. Các bài giảng tĩnh tâm cho Đức Thánh Cha Và Giáo Triều Roma*, Cộng Đoàn Đức Mẹ La Vang, Toronto 2003, 132-133.

đỡ trong thử thách, và cố gắng làm vững mạnh đời sống mật thiết của họ với Chúa, trau dồi kiến thức về mầu nhiệm Kitô giáo, cũng như lòng trung thành của họ đối với Giáo Hội và ý thức sứ mệnh của họ!”<sup>3</sup>

Thật vậy, tấm gương cuộc đời của Á thánh Anrê Phú Yên và các thánh tử đạo Việt Nam vẫn còn là một thách thức mạnh mẽ cho các Kitô hữu Việt Nam ngày nay.

## 2. Linh đạo của Tình yêu và sự giúp đỡ lẫn nhau

Các vị tử đạo Việt Nam cũng nêu gương sáng về đời sống tình yêu tha nhân và sự hỗ trợ lẫn nhau để chịu đựng những khó khăn. Đặc điểm thứ hai này trong linh đạo của các ngài cũng quan trọng không kém và dễ dàng nhận ra trong những câu chuyện của các thánh nhân Việt Nam trong thời kỳ khủng hoảng và hỗn loạn xã hội. Trong thời điểm mà người ta nghi ngờ lẫn nhau và chia rẽ trong xã hội, các tín hữu Việt Nam đã phải trải qua nhiều khó khăn và phức tạp trong đời sống kinh tế và đức tin. Chính trong bối cảnh xã hội như vậy, linh đạo Kitô giáo với cội rễ là tình yêu đã khai hoàn. Các tín hữu vượt qua những khó khăn của họ trong cuộc sống và, đôi khi, cả những cuộc khủng hoảng trong đức tin, bằng cách khuyến khích lẫn nhau để trung thành và làm chứng cho tình yêu của họ dành cho Chúa Giêsu. Đây là lý do tại sao trong lịch sử của Công giáo Việt Nam, có những nhóm các vị tử đạo đã chết chung với nhau (hay nối tiếp nhau) vì đức tin của họ. Điều đáng chú ý là thường nếu một người được ơn tử đạo, những Kitô hữu khác sẽ chăm sóc gia đình của người đó về mặt vật chất và tinh thần. Đó là câu chuyện của Thánh Matthew Lê Văn Gấm, một lái buôn, bị bắt ngày 8 tháng 6 năm 1846 và bị chặt đầu vào ngày 11 tháng 5 năm 1847.

Giáo hội ở Việt Nam ngay từ ban đầu đã có một chiều kích “cộng đồng” mạnh mẽ, phản ánh cách thức các Kitô hữu Việt Nam tiên khởi cùng nhau giữ đạo. Cộng đồng đức tin và tình yêu lẫn nhau của họ được đặt dưới sự hướng dẫn của Chúa Thánh Thần và các Tông đồ thừa sai và trong sự hiệp nhất với các giáo sĩ. Hơn thế, sự tập trung phát triển các mối quan hệ cá nhân mật thiết trở nên phương tiện đặc biệt để các Kitô hữu Việt Nam có thể cảm nghiệm tình yêu trong chính cộng đồng họ dưới sự diu dắt của các vị chủ chăn. Tương tự, các tín hữu Việt Nam đã thể hiện tình yêu đối với những người ngoài đạo. Tình yêu Kitô này đã được thể hiện đặc biệt đối với kẻ thù của họ vì Chúa Giêsu đã dạy yêu thương và tha thứ trong Tin Mừng. Có rất nhiều chuyện kể lại các vị tử đạo đã tha thứ cho những người hành quyết và những kẻ phản bội họ. Họ ước mong tha thứ hòa

<sup>3</sup> Pope John Paul II, *Beatification of 44 Servants of God. Homily of the Holy Father*, 5<sup>th</sup> March 2000, [https://w2.vatican.va/content/john-paul-ii/en/homilies/2000/documents/hf\\_jp-ii\\_hom\\_20000305\\_beatifications.html](https://w2.vatican.va/content/john-paul-ii/en/homilies/2000/documents/hf_jp-ii_hom_20000305_beatifications.html)

giải và cầu nguyện cho bình an của những người ghét và nộp họ cho quan lính. Không phải ngẫu nhiên mà Kitô giáo ở Việt Nam gần như ngay từ lúc đầu đã được gọi là: “Đạo yêu thương”.

Linh đạo này của các thánh tử đạo rất quan trọng cho Giáo Hội Việt Nam hiện nay. Giáo hội phải đương đầu với những khủng hoảng tạo ra bởi chủ nghĩa cá nhân trong xã hội. Tính ích kỷ lan tràn mọi lãnh vực dưới ảnh hưởng của văn hóa thế tục hiện đại phương Tây. Chỉ có tình yêu và sự hỗ trợ lẫn nhau trong cộng đồng dường như mới có thể chống lại những ảnh hưởng tiêu cực mạnh mẽ. Đây thực sự là những gì các giám mục Việt Nam đã hết lòng mong muốn cho công cuộc truyền giáo mới của đất nước trong thiên niên kỷ thứ ba.

### **3) Vai trò của việc huấn luyện giáo lý theo truyền thống Việt Nam trong gia đình và các hội đoàn**

Sự tử đạo anh hùng đã biểu lộ niềm tin xác tín của nhiều Kitô hữu Việt Nam. Đây là dấu hiệu cho thấy những người truyền giáo đầu tiên của Việt Nam đã đặt được nền tảng cho sự hội nhập văn hóa của đức tin Công giáo. Sự khôn ngoan mục vụ và bầu nhiệt huyết đã giúp họ thành công trong việc thích ứng Tin Mừng trong hoàn cảnh văn hóa Việt Nam thời đó.

Một điểm quan trọng của việc truyền giáo mà các vị thừa sai đã làm là thuật lại các giáo lý và đời sống Kitô giáo bằng ngôn ngữ đơn giản và theo phong tục địa phương. Điều được nhấn mạnh chính là việc thực hành đức tin cách đơn giản qua lời cầu nguyện hàng ngày như là nền tảng của đời sống đạo. Học thuộc lòng những kinh nguyện căn bản gần như là điều kiện cần thiết để được vào cộng đoàn. Các gia đình Kitô hữu đã dạy kinh cho trẻ em bằng cách cùng nhau đọc hàng ngày. Những lời kinh các tín hữu Việt Nam đọc trong nhà tù chính là nguồn sức mạnh cho các tất cả các tù nhân trong khó khăn thử thách khốc liệt và trong lúc bị xử án. Cầu nguyện trở thành nguồn và phương tiện truyền giáo trong một xã hội thù địch. Đó là lý do tại sao Đức Hồng Y Nguyễn Văn Thuận, một người con của truyền thống Công giáo Việt Nam, đã thực hành, cảm nhận, và cổ vũ sức mạnh của lời cầu kinh trong lúc thử thách ngặt nghèo.

Khía cạnh thứ hai có thể giúp giáo dục và củng cố các hạt giống đức tin Công giáo và tinh thần hy sinh mà các nhà truyền giáo đầu tiên đã để lại, đó là sự hình thành của nhiều nhóm và hội đoàn các thầy giảng giáo lý và các nữ tu. Trong các nhóm này, các giáo dân được trao cơ hội làm cộng sự viên với những thừa sai để truyền bá Tin Mừng. Kết quả là họ cũng sẵn sàng chia sẻ và với niềm xác tín làm chứng cho đức tin Kitô giáo.

Khía cạnh thứ ba, có lẽ quan trọng nhất, đó là công việc giáo lý trong các gia đình dưới sự hướng dẫn trực tiếp và đầy quyền bính của các *paterfamilias* - người cha gia đình. Đôi khi, để bảo vệ sự hiệp nhất và an bình, người cha gia đình đã phải từ “những đứa con phản loạn” khỏi gia đình. Trong thời đại ngày nay, khi chính Giáo hội Công giáo thúc đẩy việc đối thoại và nhân từ, cách xử lý thế này có thể là quá mức và thậm chí không phải theo linh đạo Kitô. Tuy nhiên, việc từ bỏ này ở Việt Nam cần phải được hiểu rõ trong bối cảnh lịch sử của nó.

Mặt khác, giáo dục gia đình bởi cả cha và mẹ, đã chứng tỏ là cách đơn giản nhưng hiệu quả để đưa trẻ em vào những thực hành cụ thể của đức tin như những lời kinh nguyện hàng ngày và thường xuyên tham dự Thánh Lễ và nhận các bí tích. Về vấn đề này, cuộc đời và sự tử đạo của Anê Lê Thị Thành, thánh nữ duy nhất trong 117 vị tử đạo Việt Nam được phong thánh, là một ví dụ tuyệt vời. Cùng với chồng, bà đã dạy sáu đứa con những điều căn bản về đức tin và lòng trung tín đối với Đức Chúa Trời mà chính bà đã tuyên xưng cho đến phút cuối cùng của cuộc đời.

Hơn nữa, việc tưởng nhớ các vị tử đạo Việt Nam và gương tuyên xưng đức tin của họ trong thời gian thử thách và hành quyết luôn là nguồn cảm hứng lâu dài và giúp gắn bó hơn nữa với Chúa và Giáo Hội trong những hoàn cảnh khốc liệt bị chia rẽ. Xưa cũng như nay, mỗi người bản đạo mới phải đối mặt với sự chia rẽ trong gia đình, làng xóm và xã hội. Chúa Giêsu đã cảnh báo về sự phân chia vì Ngài và Tin Mừng: “Từ giờ, trong nhà có năm người sẽ có sự chia rẽ, ba chống lại hai và hai chống lại ba” (cf. Lc 12,52-53). Lời này đã thành sự thật đầy kịch tính ở Việt Nam trong thời kỳ bách hại.

Điểm thứ tư là điều quan trọng cần nhớ trong thời đại hội nhập văn hóa hiện nay. Các vị truyền giáo đầu tiên đã tiến hành một quá trình hội nhập đức tin nhưng vẫn giữ các nghi thức và luật lệ của Giáo Hội toàn cầu vào thời đó. Trong bối cảnh như vậy, đã có một câu hỏi nóng bỏng mà trong thời điểm đó vẫn chưa có câu trả lời trọn vẹn: phải làm thế nào với tập tục tôn kính tổ tiên? Một mặt, đã có lời Giáo Hội cấm thực hành như vậy để tránh nhầm lẫn với các tục lệ mê tín dị đoan khá tương tự về hình thức và rất phổ biến trong xã hội lúc đó. Mặt khác, lời cấm này không ngăn cản các Kitô hữu Việt Nam tiếp tục thực hành tôn kính tổ tiên của họ theo hình thức “mới”. Họ dâng lời cầu nguyện và xin Thánh Lễ cho người đã qua đời. Điều mà đối với giáo dân rất tế nhị và quan trọng như vậy đã được giải quyết qua việc đào tạo một niềm tin tưởng và vâng phục tuyệt đối mà các Kitô hữu và các vị tử đạo đã có trong quan hệ với các vị chủ chăn và các nhà lãnh đạo của Giáo hội toàn cầu. Đây là kết quả của một nền giáo dục giáo lý toàn diện ở tất cả các cấp, đặc biệt là trong gia đình, như đã thấy ở trên.

Cuối cùng, phương pháp giáo dục dựa trên mối quan hệ cá nhân đã tạo nên nền tảng vững chắc và mang lại hoa quả phong phú. Hầu như tất cả những thánh tử đạo Việt Nam đã có một vị thừa sai hoặc linh mục phục vụ như giáo lý viên và người đồng hành trong đức tin, một người cha thiêng liêng, ngay cả trong thời gian bị giam cầm. Do vậy, vào những thời điểm quan trọng của nghi ngờ và cám dỗ từ bỏ đức tin, nhiều tín hữu trong tù đã cố gắng kiên trì và chuẩn bị sẵn sàng hiến dâng đời mình để giữ lòng trung thành với Chúa Kitô Đấng Cứu Độ của họ. Một sự diu dặt thường xuyên và cá nhân như vậy trong đời sống đạo có thể là một mô hình tốt cho quá trình đào tạo đức tin cho người lớn trong Giáo hội Việt Nam trong thời đại tân phúc âm hóa ngày nay.

#### **4. Kết luận**

Năm nay, Giáo Hội Công Giáo tại Việt Nam long trọng tổ chức lễ kỷ niệm 30 năm ngày phong thánh cho 117 vị tử đạo Việt Nam do Đức Thánh Giáo Hoàng Gioan Phaolô II chủ sự năm 1988. Hy vọng những điều trình bày trên về quá trình đào tạo và đời sống thiêng liêng của các ngài mở đường cho việc nghiên cứu sâu hơn nữa về gia tài thần học độc đáo của Giáo hội Công giáo Châu Á, về sự phát triển của các hình thức mục vụ ở nơi mà Kitô giáo đang đối thoại với các truyền thống tôn giáo châu Á khác, cũng như nghiên cứu về các điểm cụ thể của linh đạo Kitô trong đời sống và hoàn cảnh văn hóa của họ. Cuộc sống và sự hy sinh cao cả vì đức tin của các thánh tử đạo cũng như lòng trung thành tuyệt đối của họ với Chúa luôn để lại một ấn tượng mạnh cho mọi người cả lương lẫn giáo. Hy vọng sẽ có các nghiên cứu sâu hơn về hoàn cảnh lịch sử trong đời của các thánh, những phân tích về cách thức cầu nguyện của họ cũng như về vai trò quan trọng của sự hỗ trợ cộng đoàn trong khi các thánh phải đối đầu với những khó khăn thử thách. Ước rằng sự đổ máu anh hùng của các vị tử đạo vì lòng trung thành với Thiên Chúa truyền cảm hứng cho các thế hệ Kitô hữu Việt Nam hôm nay và mai sau để sống theo lý tưởng của các ngài và thực hiện mong muốn tối thượng của các thánh là Thiên Chúa sẽ ngự trị ở mọi nơi và trong trái tim mọi người trên quê hương đất nước yêu quý của họ.

*Maranatha! Amen.*